

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 301

- Câu 41.** Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là
A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. làm ruộng bậc thang.
- Câu 42.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?
A. Ba Bể. B. Xuân Sơn. C. Cát Bà. D. Thanh Thủy.
- Câu 43.** Sản xuất công nghiệp ở nước ta
A. ít tạo ra hàng hóa xuất khẩu. B. chủ yếu là các ngành truyền thống.
C. chưa có sự chuyển dịch tích cực. D. tập trung chủ yếu ở một số khu vực.
- Câu 44.** Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do
A. tăng năng suất cây trồng. B. đẩy mạnh khai hoang phục hóa.
C. tăng diện tích canh tác. D. đẩy mạnh phát triển thủy lợi.
- Câu 45.** Tỉ trọng giá trị sản xuất cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta có xu hướng tăng chủ yếu do
A. dân cư có truyền thống sản xuất.
B. có nhiều điều kiện thuận lợi.
C. có tác dụng trong việc bảo vệ môi trường.
D. mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Câu 46.** Lãnh hải của nước ta là vùng biển
A. tàu thuyền nước ngoài tự do đi lại.
B. nằm giữa đất liền với đường cơ sở
C. thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
D. rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
- Câu 47.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Bắc Trung Bộ không có khu kinh tế ven biển?
A. Thừa Thiên - Huế. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Trị.
- Câu 48.** Giao thông vận tải đường biển nước ta
A. chưa có các cảng nước sâu quy mô lớn.
B. tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.
C. có khối lượng hàng hóa luân chuyển nhỏ.
D. gắn liền với hoạt động ngoại thương.
- Câu 49.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết kênh đào nào sau đây thuộc tỉnh An Giang?
A. Rạch Sỏi. B. Kỳ Hương. C. Phụng Hiệp. D. Vĩnh Tế.
- Câu 50.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp nước ta, tỉ trọng thay đổi theo xu hướng
A. tăng chăn nuôi, giảm trồng trọt. B. tăng chăn nuôi, tăng trồng trọt.
C. giảm chăn nuôi, giảm trồng trọt. D. giảm chăn nuôi, tăng trồng trọt.
- Câu 51.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường nào sau đây nối Cao Bằng và Lạng Sơn?
A. Quốc lộ 3. B. Quốc lộ 4A. C. Quốc lộ 4B. D. Quốc lộ 34.
- Câu 52.** Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề nào sau đây có ý nghĩa hàng đầu?
A. Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu. B. Phát triển thủy lợi.
C. Thay đổi cơ cấu cây trồng. D. Bảo vệ rừng.
- Câu 53.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào có lượng mưa ít nhất vào tháng II trong các địa điểm sau?

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Trường Sa. C. Sa Pa. D. Đồng Hới.

Câu 54. Nước ta cần phải đẩy mạnh đánh bắt xa bờ là do

- A. chung Biển Đông với các nước khác. B. nguồn lợi hải sản ven bờ đã hết.
C. vùng biển ven bờ đang bị ô nhiễm. D. mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều mía nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Bình Thuận. B. Hậu Giang. C. Kiên Giang. D. Bình Định.

Câu 56. Dân cư và nguồn lao động nước ta

- A. có tuổi thọ ổn định. B. có chất lượng cuộc sống không được cải thiện.
C. phân bố chưa hợp lí. D. ngày càng giảm.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết khai thác bôxít có ở tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Giang. B. Cao Bằng. C. Lào Cai. D. Lai Châu.

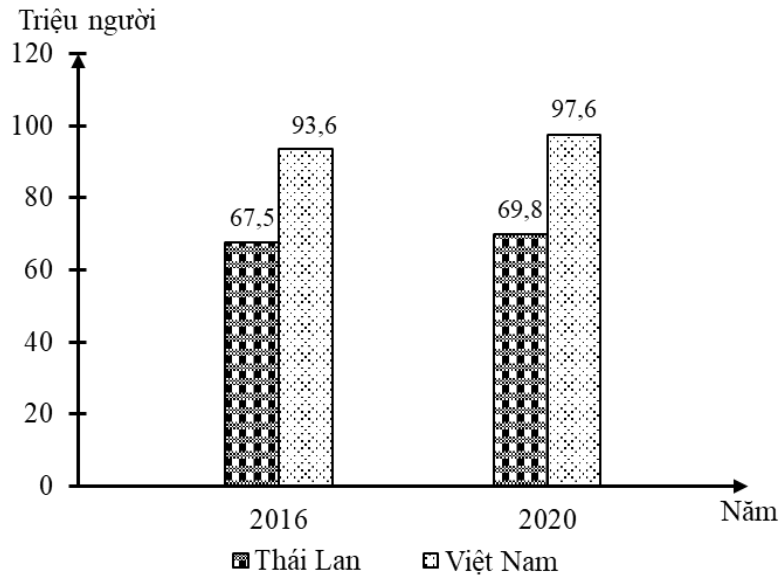
Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

- A. Biên Hoà. B. Bảo Lộc. C. Cam Ranh. D. Phan Thiết.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây bắc - đông nam?

- A. Ngân Sơn. B. Con Voi. C. Phu Luông. D. Cai Kinh.

Câu 60. Cho biểu đồ:



DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Việt Nam?

- A. Số dân của Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.
B. Số dân của Thái Lan luôn nhiều hơn Việt Nam.
C. Số dân của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.
D. Số dân của Việt Nam tăng ít hơn của Thái Lan.

Câu 61. Ở nước ta, dân số đông còn tăng nhanh đang là trở ngại cho việc

- A. mở rộng hợp tác quốc tế. B. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
C. đẩy mạnh xuất khẩu lao động. D. nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 62. Cơ sở nguyên liệu chủ yếu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sữa bò. B. lạc. C. thủy sản nuôi. D. chè.

Câu 63. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến nông sản?

- A. Huế. B. Bim Sơn. C. Quảng Ngãi. D. Vinh.

Câu 64. Cho bảng số liệu: **DIỆN TÍCH VÀ MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020**

Quốc gia	Ti-mo Lét-xê	Thái Lan	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
----------	--------------	----------	-------------	----------

Diện tích (nghìn km ²)	14,9	510,9	298,2	652,8
Mật độ dân số (người/km ²)	89	137	368	83

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh dân số của một số quốc gia năm 2020?

- A. Ti-mo Lét-xtê cao hơn Phi-lip-pin.
 B. Phi-lip-pin thấp hơn Thái Lan.
 C. Thái Lan thấp hơn Mi-an-ma.
 D. Mi-an-ma cao hơn Ti-mo Lét-xtê.

Câu 65. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây không thuộc lưu vực hệ thống sông Cả?

- A. Ngàn Phố. B. Ngàn Sâu. C. Nậm Mò. D. Gianh.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết mũi Dinh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Ninh Thuận. B. Khánh Hòa. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 67. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 68. Hoạt động của bão ở nước ta

- A. thường kèm theo mưa phùn. B. ít gây ra mưa lớn.
 C. xảy ra với tần suất cao nhất ở Nam Bộ. D. chậm dần từ Bắc đến Nam.

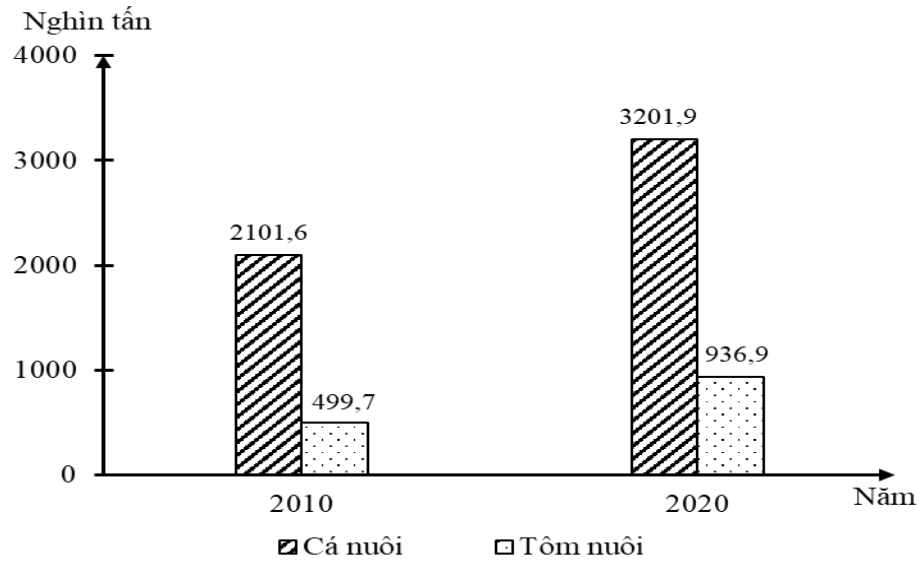
Câu 69. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Đà Nẵng. C. Khánh Hòa. D. Quảng Ngãi.

Câu 70. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất dưới 1000 MW?

- A. Cà Mau. B. Phả Lại. C. Phú Mỹ. D. Uông Bí.

Câu 71. Cho biểu đồ về sản lượng cá nuôi và tôm nuôi của nước ta năm 2010 và 2020:



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự thay đổi cơ cấu sản lượng cá nuôi và tôm nuôi.
 B. Quy mô sản lượng cá nuôi và tôm nuôi.
 C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng cá nuôi và tôm nuôi.
 D. Cơ cấu sản lượng cá nuôi và tôm nuôi.

Câu 72. Giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế rủi ro trong sản xuất cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên là

- A. đa dạng cơ cấu cây trồng, phát triển công nghiệp chế biến và đẩy mạnh xuất khẩu.
 B. đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, đi đôi với bảo vệ rừng và phát triển thủy lợi.
 C. đảm bảo cơ sở lương thực cho dân, đẩy mạnh chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm
 D. hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh, đẩy mạnh chế biến cây công nghiệp.

Câu 73. Giải pháp chủ yếu để giải quyết có hiệu quả vấn đề việc làm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thực hiện tốt chính sách dân số, phát triển dịch vụ.

B. chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, nâng cao chất lượng lao động.

C. phân bố dân cư hợp lí, xuất khẩu lao động.

D. đa dạng các loại hình đào tạo, đẩy mạnh quá trình đô thị hóa.

Câu 74. Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác tổng hợp các thế mạnh trong nông, lâm, ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

A. nâng cao nguồn thu nhập cho người dân, tạo sự liên hoàn phát triển kinh tế với các vùng khác.

B. phát huy thế mạnh của vùng, khai thác kinh tế theo không gian, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao mức sống, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu.

D. sử dụng hiệu quả các tài nguyên, thúc đẩy quá trình đô thị hóa, hoàn thiện cơ cấu nông nghiệp.

Câu 75. Nội thương nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

A. nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng loại hình bán lẻ.

B. kinh tế thị trường, chất lượng hàng hóa tăng.

C. mức sống người dân tăng, các ngành sản xuất phát triển.

D. hình thành vùng động lực, đẩy mạnh hoạt động vận tải.

Câu 76. Cho bảng số liệu: LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2019 – 2021 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2019	2020	2021
15 - 24 tuổi	7159,5	6061,5	5094,3
25 - 49 tuổi	34308,3	34622,2	31902,8
Trên 50 tuổi	14299,6	14159,2	13563,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 2019 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Kết hợp.

B. Tròn.

C. Miền.

D. Cột.

Câu 77. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển du lịch biển - đảo ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

B. mở rộng sản xuất hàng hóa, tạo sản phẩm đa dạng, phân bố lại dân cư.

C. tạo ra nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên, đẩy mạnh sản xuất.

D. thay đổi cơ cấu sản xuất, thu hút nguồn đầu tư, nâng cao vị thế vùng.

Câu 78. Thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc nước ta có sự khác nhau chủ yếu do

A. hướng của các dãy núi, hoạt động của gió mùa Tây nam, độ dốc của địa hình.

B. độ cao địa hình, hoạt động của gió mùa Đông Bắc, hướng của các dãy núi.

C. hoạt động của gió Tây khô nóng, độ dốc của địa hình và hướng các dãy núi.

D. hoạt động của gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình và hướng của các dãy núi.

Câu 79. Các nhân tố chủ yếu tác động đến việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ là

A. tăng trưởng kinh tế, đời sống người dân.

B. đầu tư nước ngoài, lưu thông phân phối.

C. công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ

D. nguồn lao động, ngoại thương.

Câu 80. Phương hướng chính nhằm phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. tăng cường liên kết vùng, chú trọng sản xuất hàng hóa.

B. cung cấp nước ngọt, bảo vệ rừng ngập mặn.

C. đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, đẩy mạnh chế biến.

D. chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sống chung với lũ.

----- HẾT -----